

CẤP ĐỘ NGÔN NGỮ TRONG DIỄN NGÔN VỚI VIỆC DẠY CÁC KỸ NĂNG DIỄN ĐẠT NÓI VÀ VIẾT BẰNG TIẾNG PHÁP

THÁI ANH TUẤN *

Trong bốn kỹ năng cơ bản của giao tiếp (nghe hiểu, đọc hiểu, diễn đạt nói và diễn đạt viết) thì các kỹ năng diễn đạt có một tầm quan trọng đáng kể đối với việc dạy/học ngoại ngữ, bởi vì mục đích cuối cùng của việc học ngoại ngữ thường là làm sao bày tỏ được ý nghĩ của mình (bằng khẩu ngữ cũng như bút ngữ) giống như người bản ngữ. Tuy nhiên, mục tiêu này không phải là dễ dàng đạt được mà phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó ngoài việc phải nắm vững những kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... còn phải kể đến các hiểu biết về mặt xã hội như: tính lịch sự trong giao tiếp, những điều cấm kị và đặc biệt là việc sử dụng linh hoạt các cấp độ ngôn ngữ khác nhau sao cho phù hợp với ngữ cảnh.

Theo quan sát chủ quan của chúng tôi, ở Việt Nam có một thực tế là trong quá trình dạy học ngoại ngữ cả hai nhân tố, người dạy và người học, hình như chú ý đến tính chính xác của ngôn ngữ nhiều hơn là tính thích đáng của việc sử dụng ngôn ngữ. Người học có xu hướng chuyển tải các ý nghĩ của mình bằng cách cố gắng tạo ra các câu đúng ngữ pháp mà ít để ý xem câu nói đó có thích hợp với hoàn cảnh giao tiếp cụ thể hay không. Hậu quả là không ít trường hợp chúng ta gặp khó khăn khi giao tiếp với người nước ngoài.

Vì vậy, bài viết này nhằm tìm hiểu một số biểu hiện của cấp độ ngôn ngữ trong tiếng Pháp và trên cơ sở đó đề xuất một vài giải pháp sư phạm nhằm giúp người học Việt Nam ý thức được việc sử dụng cấp độ ngôn ngữ trong giao tiếp bằng ngoại ngữ này.

1. Cấp độ ngôn ngữ là gì?

Khái niệm này được định nghĩa bằng nhiều thuật ngữ: *cấp độ ngôn ngữ* (niveau de langue, registre de langue), *phong cách ngôn ngữ* (style), *giọng văn* (ton)... tùy thuộc vào cách tiếp cận hiện tượng này trong ngôn ngữ.

Theo từ điển Larousse 1998, *cấp độ ngôn ngữ là phong cách diễn đạt ngôn ngữ, biểu hiện chủ yếu thông qua việc lựa chọn từ ngữ, cú pháp, giọng điệu..., thích hợp với một hoàn cảnh phát ngôn nào đó.*

* Đại học Vinh

Thực vậy, việc lựa chọn cách diễn đạt trong giao tiếp thường phụ thuộc vào:

- a. môi trường giao tiếp: ở nhà hay ở cơ quan, trong bữa ăn hay trong hội nghị,...
- b. các bên tham gia giao tiếp, tùy theo:
 - trình độ học vấn, kiến thức văn hoá, xã hội,...
 - địa vị xã hội: quan hệ tôn ti, thứ bậc, quyền lực (cấp trên, cấp dưới,...), tuổi tác (già, trẻ,...), nghề nghiệp,...
 - mức độ thân hữu: họ hàng, xóm giềng, người quen, người lạ,...

Trên thực tế có nhiều cấp độ ngôn ngữ khác nhau và giữa chúng không có một ranh giới rõ rệt nên nhiều khi rất khó xác định được một phát ngôn ở cấp độ nào. Chính vì thế các nhà ngôn ngữ học cũng có nhiều cách phân chia cấp độ ngôn ngữ khác nhau. Chẳng hạn, theo Nguyễn Ngọc Cảnh [*Ngữ pháp tiếng Pháp*, NXB Giáo dục, 2001, tr.17], có ba cấp độ lớn là: “*ngôn ngữ văn học*”, “*ngôn ngữ thông dụng*” và “*ngôn ngữ bình dân hay dung tục*”, trong đó “*ngôn ngữ thông dụng*” còn được chia ra làm ba cấp độ nhỏ là: “*ngôn ngữ chải chuốt*”, “*ngôn ngữ thường ngày*” và “*ngôn ngữ thân mật*”. Ngoài ra, một số nhà nghiên cứu khác còn phân biệt thêm cấp độ tối thượng, quý tộc (registre sublime, noble) và cấp độ tiếng lóng, tục tĩu (registre argotique, trivial) là hai cấp độ ở tận cùng nhất về hai phía trên mức thang phân chia cấp độ ngôn ngữ.

Tuy vậy, để người học dễ dàng phân biệt, hầu hết các nhà ngôn ngữ học đã lựa chọn cách phân chia phổ biến nhất thành ba cấp độ cơ bản như sau:

- cấp độ thân mật, bình dị (registre familier)

“J’crèche dans c’tte baraque pourrie...”

(Tôi trọ trong cái chòi nát này đấy)
- cấp độ chuẩn, thông dụng (registre standard, courant, médiant)

“J’habite dans cette vieille maison”

(Tôi sống trong ngôi nhà cũ này)
- cấp độ trau chuốt, kiểu cách (registre soutenu, recherché, soigné)

“Je réside dans cette vétuste demeure”

(Tôi ngụ trong cái nhà cổ này)

Dưới đây chúng ta sẽ xem xét cụ thể hơn về biểu hiện của ba cấp độ này, cả ở khẩu ngữ cũng như bút ngữ, trên các bình diện ngữ âm, từ vựng, hình thái, cú pháp câu trong tiếng Pháp.

2. Một số biểu hiện của cấp độ ngôn ngữ trong tiếng Pháp

2.1. Cấp độ thân mật

Thuật ngữ cấp độ ngôn ngữ thân mật (*registre familier*) không phải là chính xác hoàn toàn nhưng đầu sao vẫn được nhiều nhà ngôn ngữ học chấp nhận. Nó tương ứng với cấp độ chuẩn mực nhưng người nói tự do, thoải mái hơn trong diễn đạt ngôn ngữ. Giống như tên gọi của nó, cấp độ này chủ yếu được sử dụng giữa người thân (các thành viên trong gia đình, bà con họ hàng, bạn bè, đồng nghiệp,...), tức là giữa những người thuộc cùng một cộng đồng xã hội mà trong đó người ta bỏ qua hoặc không chú trọng đến tất cả những gì thuộc về hình thức, xã giao, gò bó, câu nệ trong giao tiếp cũng như trong cuộc sống hàng ngày; đối với người Pháp cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới thì đó còn là nơi không hiện diện các mối quan hệ về tôn ti, thứ bậc, quyền lực trong xã hội (*rapports hiérarchiques ou de pouvoir*).

Trong tiếng Pháp, cấp độ này có các đặc điểm sau:

- Từ vựng thân mật (*familier*), phóng túng (*relâché*), thậm chí thô tục (*grossier*); sử dụng tiếng lóng (*argots*), biệt ngữ (*jargons*), thổ ngữ (*patois*),...

"Allons bouffer" (Đi búp thôi)

Thay vì nói: *"Allons manger"* (Đi ăn thôi)

Tiếng Pháp có số lượng từ vựng thân mật rất lớn, xuất hiện nhiều nhất và thường xuyên nhất trong các cuộc thoại của trẻ em và thanh niên giữa họ với nhau trong gia đình cũng như ngoài xã hội: *maman* = *mère* (mẹ), *papa* = *père* (bố), *joujou* = *jouet* (đồ chơi), *les guibolles* = *les jambes* (chân), *la frimousse* = *le visage* (mặt), *les quenottes* = *les dents* (răng),...

- Nhiều từ nói tắt (*abréviations*) chưa có trong từ vựng:

"Y a un m'sieur dedans, t'as compris?"

(Có một lão ở trong, mày hiểu chưa?)

Thay vì nói: *"Il y a un monsieur dedans, est-ce que tu as compris?"*

(Có một quý ông ở trong đó, bạn có hiểu không?)

- Cú pháp đơn giản đến mức tối đa, thường không tuân theo quy tắc chung: câu thường ngắn, đôi khi không hoàn chỉnh hoặc bỏ lửng giữa chừng; câu không có động từ hoặc có nhưng không phù hợp về thời; câu danh từ hoá và thường không đúng cú pháp (câu ngắt quãng, không liên mạch; xem ví dụ dưới đây); sử dụng nhiều thán từ (*interjections*), câu tỉnh lược (*ellipse*), câu đặt liền kề nhau (*juxtaposée*), câu có nhiều từ thừa (*pléonasmes*) như: *"sortir dehors"* (đi ra ngoài), *"prévoir d'avance"* (dự báo trước), *"monter en haut"* (lên trên), v.v...

"Au bureau, un de mes collègues, sa femme, elle a eu un bébé."

(Ở cơ quan, có một đồng nghiệp, vợ nó, mới sinh cháu trai)

Thay vì nói: *"La femme d'un collègue du bureau a eu un bébé"*

(Vợ của một đồng nghiệp ở cơ quan vừa mới sinh cháu trai)

- **Sử dụng câu hỏi trực tiếp đơn giản, không đảo chủ ngữ:**

"Tu m'appelles d'où?" /Động từ – từ hỏi/

(Cậu gọi cho tớ từ đâu đấy?)

Thay vì nói: *"D'où est-ce que tu m'appelles?"* /Từ hỏi - động từ – chủ ngữ/

(Bạn gọi cho mình từ đâu thế?)

- **Không có thành tố *ne* trong câu phủ định với *ne... pas*.**

"Je sais pas" hoặc *"J'sais pas"* (Không biết)

Thay vì nói: *"Je ne sais pas"* (Tôi không biết)

- **Sử dụng đại từ chủ ngữ *on* thay cho đại từ *nous* (ta, chúng ta):**

"On se voit ce soir au café, OK?"

(Tối gặp nhau ở quán cà phê nhé ?)

Thay vì nói: *"Nous nous voyons ce soir au café, d'accord?"*

(Tối nay ta (mình) gặp nhau ở quán cà phê, được không?)

- **Sự phối hợp thì của động từ thường không chặt chẽ, đôi khi không theo quy tắc ngữ pháp và nhất là sự lạm dụng thì hiện tại (le présent)**

"S'il fait un pas de plus, le train l'écrase."

(Chỉ nửa bước nữa thôi là tàu nghiền nát nó)

Thay vì nói: *"S'il avait fait un pas de plus, le train l'aurait écrasé."*

- **Về mặt ngữ âm: phát âm nhanh và âm thường bị mờ** (chủ yếu là do bỏ rơi âm *e* câm (*e* muet) tạo nên sự tiếp xúc của các phụ âm với nhau làm cho âm phát ra trở nên đơn giản hơn, thậm chí bị biến âm như: sự rụng âm (syncope), các hiện tượng dịch chuyển âm (métathèse), mất âm cuối (apocope), mất âm đầu (aphérèse):

/p□a | kesesa/ (- *P'a, qué ça ça?*)

/ʃsɛpa/ (- *Ch'sais pas*)

Thay vì phát âm: /papa | keskəksə/

/jənsəpa/

- "Papa, qu'est-ce que c'est que ça?" (- Bố ơi, cái này là cái gì ạ?)

- "Je ne sais pas" (- Bố không biết)

Hiện tượng rụng nguyên âm cuối này (élision) cũng làm biến mất phụ âm trong các nhóm "tre", "bre" và "ble":

"J'ai coupé l'arb'" thay vì: "J'ai coupé l'arbre"

(Tôi chặt cây)

"C'est un gars très aimab'" thay vì: "C'est un garçon très aimable"

(Đó là một chàng trai rất đáng yêu)

2.2. Cấp độ chuẩn

Cấp độ ngôn ngữ chuẩn (registre standard) tương ứng với thứ ngôn ngữ chính xác, cả về từ vựng cũng như cú pháp, ngữ pháp. Nó có thể được hiểu như là sự sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp công cộng, tức là giữa những người không có quan hệ thân hữu, như: giao tiếp hành chính, mua bán, hỏi đáp thông tin, báo chí, dạy học,... Đây là cấp độ ít phụ thuộc nhất vào tình huống giao tiếp. Người ta thường lấy cấp độ ngôn ngữ này làm chuẩn để xác định các cấp độ ngôn ngữ khác.

Trong tiếng Pháp, cấp độ này có các đặc điểm sau:

- **Về mặt từ vựng:** sử dụng từ ngữ như trong từ điển, tức là từ ngữ thông dụng với tất cả mọi người.
- **Về mặt cú pháp:** chính xác, sử dụng câu phức đơn giản (câu phức có mệnh đề phụ liên hệ, mệnh đề phụ bổ sung,...) trong đó cấu trúc cơ bản của tiếng Pháp: **Chủ ngữ + Động từ + Bổ ngữ** (Sujet + Verbe + Complément) là cấu trúc chủ đạo của cả mệnh đề chính cũng như mệnh đề phụ:

"Le bois est le combustible le moins coûteux, mais le chauffage au bois n'est valable qu'à la campagne: on peut facilement stocker les bûches." [Claude Peyrouet, La pratique de l'expression écrite, p.143].

(Củi là chất đốt rẻ tiền nhất, nhưng sưởi ấm bằng củi chỉ phổ biến ở nông thôn: người ta có thể dễ dàng cất trữ nó)

Tuy nhiên, ngày nay trong văn nói người Pháp chấp nhận thuộc cấp độ chuẩn câu phủ định không có *ne* (trong cấu trúc *ne...pas*), trong khi đối với văn viết thì đó là thuộc cấp độ thân mật. Về mặt hình thái từ: người Pháp ngày nay có thói quen thay thế các đại từ *il* (anh ấy) và *elle* (cô ấy) bằng dạng "*i*" và "*a*" trong ngôn ngữ nói hàng ngày và coi đó là thuộc cấp độ chuẩn.

- Sự phối hợp thì của động từ thường tuân theo các quy tắc ngữ pháp cơ bản. Tuy nhiên, các thì quá khứ đơn của thức trần thuật (le passé simple de l'indicatif), quá khứ tiếp diễn và quá khứ hoàn thành của thức chủ quan (l'imparfait et le plus-que-parfait du subjonctif) hầu như không được dùng đến mà thay vào đó là các thì tương ứng: quá khứ kép của thức trực thuyết (le passé composé de l'indicatif), hiện tại và quá khứ của thức chủ quan (le présent et le passé du subjonctif)

"Je l'ai vu quand je suis revenu."

(Tôi trông thấy nó khi tôi trên đường về)

Thay vì nói: *"Je le vis quand je revins"*

- Về mặt ngữ âm: Rõ ràng, chính xác. Tuy nhiên cũng có một số biến âm. Các phụ âm đôi (doubles consonnes) hay còn gọi là phụ âm lặp (consonnes geminées) được phát âm như thể chỉ có một phụ âm ("apporter" được phát âm thành "aporter"). Một phụ âm hữu thanh (consonne sonore: b, d, g, z, v) khi tiếp xúc với một phụ âm vô thanh (consonne sourde: p, t, k, s, f) sẽ có xu hướng trở thành vô thanh ("observer" được phát âm thành "opserver"; "cheval" thành "chfal"). Sự phân biệt các cặp âm: à/a, o/ô, in/un có xu hướng biến mất trong khi nói ("brun" được phát âm như "brin"; "côte" và "cote" được phát âm như nhau)...

2.3. Cấp độ kiểu cách

Cấp độ ngôn ngữ kiểu cách (registre soutenu) không những là thứ ngôn ngữ chính xác mà nó còn được hưởng một sự trau chuốt kỹ càng. Nó vừa đòi hỏi kiến thức sâu rộng về các cứ liệu ngôn ngữ, vừa chú trọng đến các tham chiếu văn học, lịch sử và văn hoá xã hội. Cấp độ ngôn ngữ này được sử dụng chủ yếu trong văn học nhưng nó cũng được dùng trong một số tình huống đặc biệt như: diễn văn quan trọng, các văn bản mang tính khoa học cao, triết học, nghi lễ tôn giáo,... hoặc khi hiện diện mối quan hệ tôn ti thứ bậc (trường hợp người dưới nói với người trên) trong môi trường xã hội có trình độ nhận thức và học vấn cao.

Trong tiếng Pháp, cấp độ này có các đặc điểm sau:

- Từ vựng trau chuốt, chính xác (từ chỉ mang một nghĩa nhất định), độc đáo, giàu hình tượng và mang tính văn chương, thơ ca như: *"Le firmament"*, *"le cieux"*, *"l'azur"* thay cho *"Le ciel"* (bầu trời), *"vos héritiers"*, *"vos progénitures"* thay cho *"vos enfants"* (con cái),... Chúng ta hãy so sánh cách dùng từ trong ví dụ sau:

Cấp độ kiểu cách:

"Je suis comblé: le père de mon camarade nous fait l'honneur de nous accompagner!"

(Tôi rất lấy làm **hân hạnh**: chúng ta sẽ có vinh dự được đón tiếp ông cụ thân sinh ra người bằng hữu của tôi!)

Cấp độ chuẩn:

*"Je suis content: le père de mon **ami** vient avec nous!"*

(Tôi rất **hài lòng**: bố của bạn tôi sẽ đi cùng với chúng ta!)

Cấp độ thân mật:

*"Chouette, le vieux de mon **pote** vient avec nous!"*

(Tuyệt thật: ông già bạn tao sẽ đi cùng với chúng ta đấy!)

- **Sử dụng nhiều hình thái tu từ**: ẩn dụ (métaphore), hoán dụ (métonymie), đề dụ (synecdoque), uyển ngữ (euphémisme), ngoa dụ (hyperbole), nghịch dụ (oxymore), đối ngẫu (antithèse),...

*"Pierre Utard aime le sable, les galets, les **pierres chaudes**⁽¹⁾ et les **sources fraîches**⁽¹⁾, la garrigue et l'olivier. Il n'aime pas les décombres, les faucons déchireurs, le gel de l'Esprit⁽²⁾. Ses sculptures sont donc solaires et fraternelles." [La pratique de l'expression écrite, p.143].*

(⁽¹⁾: đối ngẫu; ⁽²⁾: ẩn dụ)

(Pierre Utard yêu cát, yêu sỏi, yêu những viên đá nóng bỏng và dòng suối mát lạnh, yêu cây ga-ri và cây ô-liu. Ông ghét những đống đổ nát điêu tàn, những khẩu thần công hủy diệt, băng giá của Tâm hồn. Chính vì thế những tác phẩm điêu khắc của ông ảm áp như ánh dương và tràn đầy tình nhân ái)

- **Cú pháp thường phức tạp** (diễn đạt các mối quan hệ lô gíc), câu có thể rất dài và nhiều mệnh đề.

"J'aurais, Monsieur, une petite prière à vous faire. J'ai un procès que je suis sur le point de perdre, faute d'un peu d'argent, et vous pourriez facilement me procurer le gain de ce procès, si vous aviez quelque bonté pour moi." [Molière. L'Avare]

(Thưa ông, tôi có chút việc muốn xin ông. Tôi có một vụ kiện sắp thua đến nơi, vì thiếu ít tiền; ông có thể dễ dàng giúp tôi được kiện, nếu ông có chút từ tâm với tôi.)

[Lão hà tiện. Bản dịch của Đỗ Đức Hiểu]

- **Thực hiện việc đảo chủ ngữ**: ở câu hỏi trực tiếp và sau một số trạng từ liên kết như: *aussi* (cũng, cũng thế, như thế), *ainsi* (vậy nên, như thế, như vậy), *peut-être* (có lẽ, biết đâu chẳng), v.v...

"Peut-être aura-t-il la chance de réussir"

(Biết đâu nó chẳng may mắn thành công)

Thay vì nói: "*Il aura peut-être la chance de réussir*"

- **Sự phối hợp thì trong câu rất chặt chẽ:** Sử dụng các thì quá khứ tiếp diễn và quá khứ hoàn thành của thức chủ quan (*l'imparfait le plus-que-parfait du subjonctif*), các thì quá khứ đơn và tiền quá khứ của thức trực thuyết (*le passé simple et le passé antérieur de l'indicatif*) trong khẩu ngữ cũng như bút ngữ:

"*Il fallait qu'il vînt*"

(Nó cần phải đến)

Thay vì nói: "*Il fallait qu'il vienne*"

- **Về mặt ngữ âm:** Phát âm chuẩn và chính xác, gần như không bao giờ xảy ra sự biến âm.

3. Một vài đề xuất sư phạm liên quan đến cấp độ ngôn ngữ với việc dạy các kỹ năng diễn đạt (nói và viết) bằng tiếng Pháp cho sinh viên

Các quan sát trên đây cho thấy phần nào sự đa dạng trong cách diễn đạt của tiếng Pháp tùy thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp. Vấn đề đặt ra cho quá trình dạy học tiếng Pháp là người học chỉ cần nắm bắt được văn phong thông dụng nhất hay phải biết cách sử dụng các cấp độ khác nhau của ngôn ngữ này. Nói cách khác, người học chỉ cần diễn đạt được bằng tiếng Pháp ở cấp độ chuẩn hay phải biết diễn đạt ở các cấp độ ngôn ngữ khác nhau? Chúng tôi cho rằng quyết định dạy cách sử dụng một hay nhiều cấp độ ngôn ngữ là tùy thuộc vào đối tượng và trình độ của người học. Theo ý kiến riêng của chúng tôi thì sinh viên tiếng Pháp thường phải vận dụng được linh hoạt các cấp độ ngôn ngữ khác nhau vì khi vào đến đại học họ đã tích lũy được khá nhiều kiến thức về ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp,... và khi ra trường, do tính chất nghề nghiệp (biên dịch, phiên dịch, thư ký kiêm trợ lý ngôn ngữ, hướng dẫn viên du lịch, giáo viên,...), bắt buộc họ phải giao tiếp được với nhiều đối tượng khác nhau trong nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Các sách giáo khoa tiếng Pháp dùng trong trường đại học cũng đã chú ý đến vấn đề này. Ví dụ giáo trình *Le Nouvel Espaces* của các tác giả G.CAPELLE và N.GIDON, NXB Hachette, Paris, 1995 đề cập đến cấp độ thân mật trong phần *La roue tourne*. Cấp độ ngôn ngữ cũng là một trong những tiêu chí đánh giá trong các kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Pháp quốc tế DELF và DALF. Chúng ta hãy xem một số định hướng đánh giá khả năng diễn đạt nói của các tác giả A.PATHOD và P.-Y.ROUX trong cuốn *80 fiches pour la production orale* (80 giáo án dạy nói) NXB Didier, Paris, 1999:

Trang 20: “adéquation du ton et du registre de langue / les outils linguistiques servant à donner son avis et à conseiller...” (Tính thích đáng của giọng văn và cấp độ ngôn ngữ / các công cụ ngôn ngữ dùng để trình bày ý kiến và khuyên...)

Trang 24: “on cherchera à évaluer principalement le respect de la situation et l’adéquation des énoncés...” (chúng ta sẽ đánh giá việc bám sát hoàn cảnh giao tiếp và tính thích đáng của các phát ngôn...)

Trang 30: “compréhension de la situation et adéquation des dialogues et du ton à cette situation.” (hiểu được tình huống giao tiếp, sự thích đáng của hội thoại và giọng văn với tình huống này)

Các tiêu chí đánh giá trên cho thấy việc sử dụng thích đáng cấp độ ngôn ngữ với ngữ cảnh là cần thiết và sinh viên phải để ý đến điều này trong khi nói và viết. Theo tác giả Nguyễn Ngọc Cảnh (*Ngữ pháp tiếng Pháp*, NXB Giáo dục, 2001, tr.19) “việc phân biệt các cấp độ tiếng giúp cho người học có một phương hướng học tập thiết thực, biết sử dụng các từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp ở những cấp độ thích hợp trong khi giao tiếp”. Để giúp người học ý thức được vấn đề, tiến tới hình thành thói quen, kỹ năng, người dạy cần đưa ra một hệ thống bài tập luyện tập và thực hành thích hợp kèm theo các tiêu chí đánh giá khả năng của người học. Dưới đây chúng tôi xin đề xuất một số dạng bài tập liên quan đến cấp độ ngôn ngữ trong dạy nói và viết cho sinh viên ngành tiếng Pháp:

3.1. Vous allez écouter 5 phrases. Indiquez à quel registre de langue elles appartiennent en cochant la case correspondante. Expliquez pourquoi ce registre.

(Bạn sẽ nghe 5 câu. Hãy cho biết các câu đó thuộc cấp độ ngôn ngữ nào và đánh dấu vào ô thích hợp. Hãy giải thích tại sao.)

	Langue familière (Cấp độ thân mật)	Langue standard (Cấp độ chuẩn)	Langue soutenue (Cấp độ kiểu cách)
1			
2			
...			

3.2. Vous rencontrez une personne qui hésite à venir s’installer en région parisienne. Au cours d’une discussion, elle expose ses critiques. Vous lui répondez en montrant les aspects positifs de votre ville. Vous emploierez un registre de langue courant ou soutenu.

(Bạn gặp một người đang do dự chưa biết có nên chuyển đến Paris hay không. Bạn nói chuyện với người này và nêu lên những mặt mạnh của thành phố. Bạn dùng cấp độ chuẩn hoặc kiểu cách.)

3.3. Relisez les invitations. (Hãy đọc các giấy mời sau đây)

- a) Quelle est la plus formelle? (Giấy mời nào trang trọng hơn ?)
 b) Quelle est la plus familière? (Giấy mời nào thân mật hơn?)

3.4. Lisez la lettre de Paul à sa mère. (Hãy đọc bức thư Paul gửi cho mẹ)

- Quel registre emploie Paul dans sa lettre ?

(Paul dùng cấp độ ngôn ngữ nào trong thư?)

- Ce registre convient-il pour s'adresser à quelqu'un qu'il ne connaît pas ?

(Cấp độ này có thích hợp đối với người mà anh ấy không quen biết không?)

- Relevé des expressions et mots familiers employés par Paul, et recherche de termes équivalents dans un registre courant.

(Hãy liệt kê các từ và câu thân mật mà Paul đã sử dụng, tìm từ và câu tương đương ở cấp độ chuẩn)

3.5. Dans quel registre de langue (populaire, familier, correct ou soutenu) classes-tu ces énoncés? (Bạn xếp các phát ngôn sau đây vào cấp độ ngôn ngữ nào?)

a) Le toaster est pété depuis un boutte	
b) Y fait fret à matin!	
c)	

3.6. Transformez les énoncés familiers en registre de langue standard et soutenu.

(Hãy chuyển các phát ngôn thân mật sau đây sang cấp độ chuẩn và kiểu cách)

Énoncés à transformer (Phát ngôn cần chuyển)	Registre standard (Cấp độ chuẩn)	Registre soutenu (Cấp độ kiểu cách)
a) Sacre-moé patience!		
b) Y fait fret à matin!		
c)		

3.7. Formulez les questions dans un registre de langue soutenu:

(Hãy viết lại các câu hỏi ở cấp độ kiểu cách)

- a) Quand est-ce que vous allez au cinéma?
 b) Où est-ce que Pauline travaille?
 c)

3.8. Réécrivez le texte ci-dessous en passant d'un registre de langue soutenu ou courant à un registre familier. (Hãy viết lại bài đọc sau đây đồng thời chuyển từ cấp độ kiểu cách sang cấp độ thân mật)

Kết luận

Cấp độ ngôn ngữ là một trong những yếu tố không thể thiếu được trong giao tiếp. Việc sử dụng linh hoạt và đa dạng các cấp độ ngôn ngữ khác nhau không những góp phần vào thành công của cuộc thoại mà còn làm cho ngôn ngữ phong phú và đa dạng hơn trên mọi bình diện: ngữ pháp, từ vựng, cú pháp, ngữ âm... Bài viết này không có tham vọng xem xét hết được tất cả mọi biểu hiện của cấp độ ngôn ngữ trong tiếng Pháp mà chỉ nêu lên một vài nét nổi bật của chúng nhằm giúp người học tiếng Pháp phần nào hình dung được tầm quan trọng của khía cạnh này trong ngôn ngữ, từ đó có ý thức rèn luyện và sử dụng chúng trong giao tiếp bằng ngoại ngữ, nhất là trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay đòi hỏi sinh viên ngoại ngữ khi ra trường phải thích ứng được với nhiều nghề nghiệp khác nhau, làm việc với nhiều đối tượng khác nhau và đáp ứng được sự đòi hỏi cao của người tuyển dụng lao động.

Các giải pháp sư phạm liên quan đến cấp độ ngôn ngữ mà chúng tôi nêu ra trên đây chỉ mang tính chất tham khảo, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy các kỹ năng diễn đạt bằng tiếng Pháp cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ABBADIE C., CHOVELON B., MORSEL M.-H., *L'expression française écrite et orale*. Presses Universitaires de Grenoble, 2000.
2. BACHMANN C., LINDELFELD J., SIMONIN J., *Langage et communications sociales*. Hatier-Crédif, Paris, 1981.
3. BAYON C., *Sociolinguistique: Société, langue et discours*. Nathan, Paris, 1991.
4. CAPELLE G., GIDON N., *Le Nouvel Espace*. Hachette, Paris, 1995.
5. CHANTELAUVE O., *Ecrire: Observer...S'entraîner...Ecrire...* Hachette, Paris, 1995.
6. LESCURE R., GRANDET E., PARIZET M.-L., RAUSCH A., *DEL F A1, A2, A3, A4: 450 activités*. Clé International, Paris, 2001.
7. NGUYỄN Ngọc Cảnh, *Ngữ pháp tiếng Pháp*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
8. PATHOD A., ROUX P.-Y., *80 fiches pour la production orale*. Didier, Paris, 1999.
9. PEYROUTET C., *La pratique de l'expression écrite*. Nathan, Paris, 2002.
10. ROUX P.-Y., *Réussir le DEL F*. Hatier, Paris, 1993. 